

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày: 02-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Văn L; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 23/12/2003; nơi sinh: Huyện T, tỉnh Bến Tre; nơi thường trú: Số nhà A ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Sửa điện thoại; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; con ông Trương Văn B, sinh năm 1982 (sống); con bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1982 (sống); bị cáo có 01 em ruột sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/9/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 07/9/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trương Tuấn K, sinh năm 2002 (vắng mặt)

2. Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số nhà B, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

1. Anh Võ Thành T, sinh năm 1997. Nơi cư trú: 101/2 ấp A, xã A, huyện T,

tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

2. Anh Lê Chí L2, sinh năm năm 1995. Nơi cư trú: 51/2 ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua thông tin của quần chúng nhân dân cung cấp về việc có đối tượng nghi vấn tụ tập vi phạm pháp luật về ma túy, lực lượng Công an huyện T kết hợp Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre tiến hành kiểm tra, xác minh. Đến khoảng 16 giờ, ngày 01/9/2023 tại khu vực lộ đal thuộc ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre phát hiện một nam thanh niên tên Trương Văn L điều khiển xe mô tô biển số 71B3-551.60 có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng Công an tiến hành dừng xe để kiểm tra. Do lo sợ bị phát hiện đang tàng trữ trái phép chất ma túy nên L đã vút bỏ gói nilon chứa ma túy xuống đường nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản quả tang. Vị trí gói nilon chứa ma túy cách trực trước xe mô tô biển số 71B3-551.60 là 1,1 mét và tiếp giáp với tường nhà ông Lê Văn S.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) gói nilon màu trắng, hàn kín ba phía, bên trong có nhiều viên nén màu hồng đã bị vỡ vụn và 01 (một) gói nilon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp, bên trong chứa tinh thể màu trắng. Được thu giữ tại vị trí tiếp giáp với tường nhà ông Lê Văn S và lộ bê tông ở ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu A.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám bạc, số máy MKRF2LL/A, số seri F17QM02LGRXY, gắn sim số 0796835535, thu trong túi quần phía trước bên phải của Trương Văn L, được niêm phong trong phong bì ký hiệu B.

- Tiền Việt Nam: 980.000 đồng (Chín trăm tám mươi nghìn đồng), thu trong túi quần phía sau bên phải của L.

Lúc 19 giờ 45 phút, ngày 01/9/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét nơi ở của Trương Văn L tại số B khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre như sau:

Căn nhà có một phòng khách, hai phòng ngủ. L xác định ma túy đang được cất giữ là ở phòng ngủ thứ hai nằm bên phải theo hướng từ trước ra sau. Bên trong phòng ngủ thứ hai có một tủ bằng kim loại, tiếp giáp vách tường hướng nam cách cửa ra vào 01 mét, kích thước tủ 1,1m x 1,65m x 0,45 m loại tủ có hai ngăn trên và dưới, ngăn trên có ba cánh cửa kim loại, cửa mở kéo ra; ngăn dưới có hai cánh cửa kim loại, cửa mở kéo ra. L xác định ma túy để trong ngăn tủ dưới, L tự mở ngăn và lấy ma túy ra giao nộp. Ma túy có đặc điểm: Bên trong túi nilon có chữ coopmart có:

- Hai miếng giấy (loại giấy ăn) màu trắng;

- Một gói nilon màu đen được hàn kín, kiểm tra bên trong chứa ba viên nén màu hồng hình chữ nhật và một số viên nén màu hồng bị vỡ vụn. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu “1”.

- Một túi nilon được hàn kín, bên trong chứa 09 gói nilon được hàn kín, trong đó có một gói nilon được hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “2”; một gói nilon sọc màu đỏ được hàn kín chứa năm viên nén màu xanh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “3”. Còn lại 07 (bảy) gói nilon rỗng.

Ngày 02/9/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định chất nghi là ma túy. Tại Bản kết luận giám định số 681/2023/KL-KTHS ngày 04/9/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận:

- Nhiều mảnh vỡ màu hồng đựng trong 01 (một) gói nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu A gửi giám định là ma túy loại MDMA; khối lượng 0,4041 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu A gửi giám định là ma túy loại Ketamine; khối lượng 1,4237 gam;

- 03 (Ba) viên nén hình chữ nhật và nhiều mảnh vỡ màu hồng đựng trong 01 (một) gói nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu “1” gửi giám định là ma túy; loại MDMA; khối lượng 2,4501 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu “2” gửi giám định là ma túy; loại Ketamine; khối lượng 9,8208 gam.

- 05 (năm) viên nén màu xanh có ba cạnh đựng trong 01 (một) gói nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu “3” gửi giám định là ma túy loại MDMA; khối lượng 2,0197 gam.

Ngoài ra, Trương Văn L còn khai nhận đã nhiều lần đặt mua ma túy của K1 và bán lại nhiều lần, cụ thể như sau:

Khoảng cuối tháng 02 năm 2023, sau khi mua ma túy của người tên K1 (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể), L chia nhỏ và bán lại cho nhiều người. Cụ thể từng lần bán ma túy như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 3 năm 2023 (không nhớ cụ thể ngày) L bán ma túy cho Võ Thành T, sinh năm 1997, nơi cư trú: Số nhà A ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre: 01 gói ma túy loại Ketamine, 02 viên MDMA với giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). L mang ma túy đến cây xăng ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre gặp T giao và nhận tiền.

Lần thứ hai: Ngày 11/8/2023, L bán ma túy cho Lê Chí L2, sinh năm 1995, nơi cư trú: Số E ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre: 01 gói ma túy loại

Ketamine và hai viên MDMA với giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). L mang số ma túy trên đến khu vực phía trước nhà trọ Ngọc H ở khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre giao cho L2 và nhận tiền.

Lần thứ ba: Ngày 17/8/2023, L bán ma túy cho Lê Chí L2 01 gói ma túy loại Ketamine với giá 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng), L mang số ma túy trên đến khu vực phía trước nhà trọ Ngọc H ở khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre giao cho L2 và nhận tiền.

Lần thứ tư: Ngày 31/8/2023, L bán ma túy cho Lê Chí L2 01 gói ma túy loại Ketamine và hai viên ma túy MDMA với giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). L mang số ma túy trên đến lộ bê tông ở ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre gặp L2 giao ma túy và nhận tiền.

Lúc 18 giờ, ngày 31/8/2023, L điện thoại qua messenger cho K1 để mua 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền ma túy gồm: Ma túy loại Ketamin, 10 viên thuốc lắc (MDMA), K1 đồng ý và sẽ gửi xe buýt số ma túy về T để L đón lấy. Đến khoảng 15 giờ ngày 01/9/2023, L đến trạm xe buýt ở gần quán N ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre đón xe buýt và nói với phụ xe lấy đồ sửa điện thoại của L thì phụ xe đưa túi nilon cho L. Trên túi nilon không ghi thông tin của người gửi và người nhận. Sau khi nhận ma túy, L đem về cất giấu tại nhà số B khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre để vào tủ nhằm mục đích bán lại cho người khác, L sẽ phân chia ra đem bán theo yêu cầu của người mua. Đến khoảng 16 giờ ngày 01/9/2023, Lê Chí L2 điện thoại cho L hỏi mua 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) ma túy gồm: 1,4237 gam ma túy loại Ketamin, 0,4041 gam ma túy loại MDMA. Lúc này, L đang đánh bida cùng Trương Tuấn K tại quán “B1” ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre, sau khi thống nhất tiền và địa điểm giao ma túy thì L mượn xe mô tô của K để đi công việc, không nói là đi bán ma túy cho K biết. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển số 71B3-551.60 về nhà để lấy số lượng ma túy đúng như thỏa thuận và đến địa điểm hẹn trước để giao ma túy và bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 06 tháng 2 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố bị cáo Trương Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Trương Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2023.

Do bị cáo Trương Văn L không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì ký hiệu 681/2023, bên trong chứa mẫu sau giám định: Mẫu A có khối lượng 0,2562 gam ma túy loại MDMA, gói tinh thể màu trắng có khối lượng 1,1593 gam ma túy loại Ketamine; mẫu ký hiệu "1" có khối lượng 1,4559 gam ma túy loại MDMA; mẫu ký hiệu "2" có khối lượng 8,5811 gam ma túy loại Ketamine; mẫu ký hiệu "3" có khối lượng 1,2197 gam ma túy loại MDMA.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám - bạc, số máy MKRF2LL/A, số seri F17QM02LGRXY, gắn sim số 0796835535.

Đề nghị ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Trương Văn Đ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 71B3- 551.60; trả cho bị cáo Trương Văn L số tiền 980.000 đồng (chín trăm tám mươi ngàn đồng);

Đề nghị buộc bị cáo Trương Văn L nộp lại số tiền thu lợi bất chính 7.800.000 đồng từ việc bán trái phép chất ma túy để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận anh Trương Tuấn K và ông Trương Văn Đ đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn L khai nhận: Để có tiền tiêu xài, bị cáo đã mua ma túy của người tên K1 về chia nhỏ ra để bán lại. Bị cáo đã bán cho Võ Thành T 01 lần, bán cho Lê Chí L2 03 lần, ma túy mà bị cáo bán có 02 loại là Ketamine và MDMA. Đến ngày 01/9/2023, Lê Chí L2 điện thoại cho bị cáo để hỏi mua ma túy trên đường bị cáo đến địa điểm hẹn trước để giao ma túy cho L2 thì bị Công an bắt quả tang. Ma túy bị cáo cất giấu tại nhà 4,4698 gam ma túy loại MDMA và 9,8208 gam ma túy loại Ketamine nhằm mục đích bán lại. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Bị cáo Trương Văn L không có tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Bị cáo Trương Văn L nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trương Tuấn K, ông Trương Văn Đ và người làm chứng anh Võ Thành T và anh Lê Chí L2 vắng mặt nhưng quá trình điều tra đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, được Hội đồng xét xử chấp nhận được quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn L thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản khám xét, lời khai của những người làm chứng; các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài, bị cáo Trương Văn L đã liên hệ với người tên K1 (không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể) để mua ma túy về chia nhỏ để bán 05 lần cho năm người tại địa bàn xã A và thị trấn T. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 3 năm 2023, L bán ma túy cho Võ Thành T 01 gói ma túy loại Ketamine, 02 viên MDMA với giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 11/8/2023, L bán ma túy cho Lê Chí L2 01 (một) gói ma túy loại Ketamine và hai viên MDMA với giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Lần thứ ba: Ngày 17/8/2023, L bán ma túy cho Lê Chí L2 01 (một) gói ma túy loại Ketamine với giá 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng)

Lần thứ tư: Ngày 31/8/2023, L bán ma túy cho Lê Chí L2 01 (một) gói ma túy loại Ketamine và hai viên ma túy MDMA với giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Lần thứ năm: Đến khoảng 16 giờ ngày 01/9/2023, Lê Chí L2 điện thoại cho L hỏi mua 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) ma túy gồm: 1,4237 gam ma túy loại Ketamin, 0,4041 gam ma túy loại MDMA. Trên đường L đến địa điểm hẹn trước để giao ma túy thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà của Trương Văn L đã thu giữ 4,4698 gam ma túy loại MDMA và 9,8208 gam ma túy loại Ketamine. Qua điều tra L thừa nhận số ma túy trên tàng trữ nhằm mục đích bán lại.

Tổng số ma túy Trương Văn L tàng trữ nhằm mục đích bán lại là: 4,8739 gam ma túy loại MDMA và 11,2445 gam ma túy loại Ketamine. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 7.800.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo Trương Văn L đã đủ yếu tố cấu thành “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên”...

p) có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này...”

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Văn L không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trương Văn L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại Huỳnh Văn L3 là người có công được tặng Bằng khen nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Hành vi nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy, với 02 chất ma túy của bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, phạm tội với tình tiết định khung là 02 lần trở lên, đã gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người đồng thời còn gây nhiều tệ nạn khác cho xã hội; biết việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện cho nhiều người và nhiều lần nhằm thu lợi bất chính, điều này thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý về chất ma túy, vi phạm pháp luật hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo thành công

dân có ích cho gia đình và xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời góp phần phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ký hiệu 681/2023, bên trong chứa mẫu sau giám định: mẫu A có khối lượng 0,2562 gam ma túy loại MDMA, gói tinh thể màu trắng có khối lượng 1,1593 gam ma túy loại Ketamine; mẫu ký hiệu “1” có khối lượng 1,4559 gam ma túy loại MDMA; mẫu ký hiệu “2” có khối lượng 8,5811 gam ma túy loại Ketamine; mẫu ký hiệu “3” có khối lượng 1,2197 gam ma túy loại MDMA.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám - bạc, số máy MKRF2LL/A, số seri F17QM02LGRXY, gắn sim số 0796835535 theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSTP-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 71B3-551.60 cho ông Trương Văn Đ; trả cho bị cáo Trương Văn L số tiền 980.000 đồng (chín trăm tám mươi ngàn đồng).

- Buộc bị cáo Trương Văn L phải nộp số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm ngàn đồng) có được từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy để sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh Trương Tuấn K và ông Trương Văn Đ trong quá trình điều tra đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

[10] Đối với người tên K1 đã bán ma túy cho bị cáo Trương Văn L. Qua làm việc bị cáo khai nhận chỉ biết tên K1 chứ không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể. Bị cáo có chuyển tiền đến số tài khoản của K1 để trả tiền mua ma túy nhưng không xác định được ngày chuyển tiền, không còn lưu giữ số tài khoản do sau khi đã chuyển tiền thì K1 yêu cầu bị cáo xóa tin nhắn. Khi chuyển tiền thì bị cáo đến cửa hàng điện thoại “D&T” nhờ ông Huỳnh Quang D, chủ tiệm điện thoại chuyển tiền giùm. Cơ quan điều tra đã làm việc với ông D yêu cầu sao kê tài khoản ngân hàng các lần chuyển tiền và tiến hành cho ông D xác định số tài khoản đã chuyển tiền cho bị cáo Trương Văn L nhưng không xác định được. Qua rà soát các lần chuyển tiền ông D đều không ghi rõ nội dung giao dịch. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý hành vi của K1 là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển số 71B3-551.60 là của ông Trương Văn Đ. Qua làm việc ông Đ trình bày vào ngày 01/9/2023, xe mô tô trên do con ông là Trương Tuấn K sử dụng đi chơi với bạn. Làm việc với K, K cho biết lúc đang chơi bida cùng bị cáo Trương Văn L ở thị trấn T thì bị cáo mượn xe để đi công việc. K không biết bị cáo dùng xe mô tô trên để đi bán ma túy nên K không đồng phạm với bị cáo trong việc mua bán trái phép chất ma túy.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng

Hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trương Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2023.

Bị cáo Trương Văn L không đảm nhiệm chức vụ, không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ký hiệu 681/2023, bên trong chứa mẫu sau giám định: Mẫu A có khối lượng 0,2562 gam ma túy loại MDMA, gói tinh thể màu trắng có khối lượng 1,1593 gam ma túy loại Ketamine; mẫu ký hiệu “1” có khối lượng 1,4559 gam ma túy loại MDMA; mẫu ký hiệu “2” có khối lượng 8,5811 gam ma túy loại Ketamine; mẫu ký hiệu “3” có khối lượng 1,2197 gam ma túy loại MDMA.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám - bạc, số máy MKRF2LL/A, số seri F17QM02LGRXY, gắn sim số 0796835535. Vật chứng được tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSTP-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Buộc bị cáo Trương Văn L phải nộp số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm ngàn đồng) có được từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh Trương Tuấn K và ông Trương Văn Đ trong quá trình điều tra đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trương Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- CQCSĐT Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Nhà tạm giữ;
- CQTHA hình sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương